

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai quyết toán ngân sách năm 2023

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI CHÍNH TỈNH KIÊN GIANG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2039/QĐ-UBND ngày 17/08/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang;

Căn cứ Quyết định số 3263/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 đối với các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh;

Căn cứ Thông báo số 409/TB-STC ngày 05/08/2023 của Sở Tài chính Kiên Giang về việc xét duyệt quyết toán ngân sách nhà nước năm 2023;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách năm 2023 của Sở Tài chính tỉnh Kiên Giang (theo biểu số 4 đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Trưởng các phòng chuyên môn thuộc Sở và các đơn vị liên quan thực hiện Quyết định này. /: vt

Nơi nhận:

- Cơ quan tài chính cùng cấp;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KT.

GIÁM ĐỐC **GIÁM ĐỐC**
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Điền

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC NĂM 2023
(Kèm theo Quyết định số 500/QĐ-STC ngày 03 tháng 8 năm 2024 của Sở Tài chính)

ĐVT: Đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu					
A	Tổng số thu	78.588.230.940	78.588.230.940			
1	Từ NSNN cấp	62.795.568.819	62.795.568.819			
2	Thu khác	15.792.662.121	15.792.662.121			
	Nguồn chi phí thẩm tra quyết toán đầu tư XDCB	11.886.855.889	11.886.855.889			
	Nguồn bồi hoàn giải tòa	570.445.211	570.445.211			
	Nguồn kinh phí thu hồi nợ, KP trích lãi vay của NH CSXH	445.890.177	445.890.177			
	Quỹ lương BKS Công ty Xổ số	1.946.579.375	1.946.579.375			
	Quỹ lương BKS Công ty Cấp thoát nước	696.754.530	696.754.530			
	Chi phí thanh lý tài sản của tỉnh	130.126.000	130.126.000			
	Nguồn thu khác	116.010.939	116.010.939			
B	Chi từ nguồn thu được để lại	8.002.285.685	8.002.285.685	2.304.195.554	13.888.000	
	Nguồn chi phí thẩm tra quyết toán đầu tư XDCB	5.417.873.063	5.417.873.063		290.000	
	Nguồn bồi hoàn giải tòa	26.440.000	26.440.000			
	Nguồn kinh phí thu hồi nợ, KP trích lãi vay của NH CSXH	139.945.068	139.945.068		13.598.000	
	Quỹ lương BKS Công ty Xổ số	1.607.441.024	1.607.441.024	1.607.441.024		
	Quỹ lương BKS Công ty Cấp thoát nước	696.754.530	696.754.530	696.754.530		
	Chi phí thanh lý tài sản của tỉnh	113.832.000	113.832.000			
	Nguồn thu khác	-	-			
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	35.365.808.921	35.365.808.921	8.451.556.886	19.925.950.689	
1	Chi quản lý hành chính	14.092.689.572	14.092.689.572	8.451.556.886	655.696.619	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	11.777.361.006	11.777.361.006	7.690.494.380	98.455.720	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.554.266.060	1.554.266.060		557.240.899	
1.3	Kinh phí cải cách tiền lương	761.062.506	761.062.506	761.062.506		
2	Chi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng	250.000.000	250.000.000			
3	Chi hoạt động sự nghiệp tài chính	17.481.651.242	17.481.651.242		15.762.051.630	
4	Chi hoạt động công nghệ thông tin	3.541.468.107	3.541.468.107		3.508.202.440	

